

4.11 Doanh thu và chi phí

- Doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; và xác định được phần công việc đã hoàn thành ;
 - Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.
- Doanh thu tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn:
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận phù hợp với doanh thu và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

4.12 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không có bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

4.13 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không có bù trừ .

4.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Các khoản mục thuế thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng số thuế dự kiến phải nộp cho niên độ báo cáo. Theo quy định hiện hành, số thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản chênh lệch theo số thuế quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

- Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.
- Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 28% (hai mươi tám phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Công ty được giảm 50 % thuế TNDN đối với dự án đầu tư xây dựng Chợ đầu mối phía Bắc thành phố Hồ Chí Minh

Công ty được hưởng ưu đãi theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của quý IV năm 2008 (Số lao động của Quý IV năm 2008 nhỏ hơn 300 lao động).
- Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

5.1 Tiền

Mã số	Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
5.1.1	Tiền mặt	31.820.947	147.484.249
5.1.2	Tiền gửi ngân hàng	84.653.928.146	63.116.461.851
	Tổng cộng	84.685.749.093	63.263.946.100

5.1.2 Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng phù hợp với sổ phụ ngân hàng.

Chi tiết gồm:

STT	Ngân hàng	Cuối năm	Đầu năm
1.	Ngân hàng Sài Gòn Công Thương	46.721.717	70.996.327
2.	Ngân hàng Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh	96.219.769	3.080.989.597
3.	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Hóc Môn	30.632.611.326	10.473.147.941
4.	Ngân hàng Cổ phần Thương mại Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Hóc Môn	52.719.033.087	49.491.327.986
5.	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Hóc Môn	529.404.639	-
6.	Công ty Cổ phần chứng khoán Phương Đông	6.663.803	-
7.	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Phòng giao dịch Nguyễn Thái Bình	623.273.805	-
	Cộng	84.653.928.146	63.116.461.851

5.2 Đầu tư ngắn hạn

Chủ yếu là khoản tiền gửi có kỳ hạn

Chi tiết gồm:

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (*)	10.000.000.000	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khánh Hội (số lượng 30.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)	430.916.000	-
Cộng	10.430.916.000	-

(*) Là khoản cho vay theo Hợp đồng vay vốn số 02/HĐKT-2008 ngày 24 tháng 10 năm 2008, lãi suất 1,3%/tháng, thời hạn 03 tháng.

5.3 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Là khoản lập dự phòng giảm giá của cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khánh Hội.

5.4 Phải thu của khách hàng

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
Các khách hàng dự án Khu dân cư Chợ đầu mối Nông sản thực phẩm Hóc Môn	12.087.358.715	-
Doanh nghiệp tư nhân Kim Long	3.290.233.000	3.452.798.000
Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại Dịch vụ Thanh Phú	2.244.588.009	2.054.461.433
Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại dịch vụ Nguyễn Huỳnh Phát	-	1.845.090.032
Nhà máy Nhiệt điện Cần Thơ	-	6.048.839.577
Các khách hàng khác	1.667.794.044	2.148.677.299
Cộng	19.289.973.768	15.549.866.341

5.5 Trả trước người bán

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH Đại Nguyễn	1.342.930.000	-
Công ty Xăng dầu khu vực II	836.510.954	494.351.863
Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Sài Gòn Petro	147.423.558	530.377.496
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Danh Khoa	-	4.448.990.665
Công ty TNHH Trường Thịnh I	-	3.450.608.244
Các khách hàng khác	304.083.989	170.001.125
Cộng	2.630.948.501	9.094.329.393